Số: 21/GPXB-STTTT
Thời gian ký: 20/05/2022 14:23:02 +07:00

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC
Địa chỉ: 715 Trần Hưng Đạo - Tp. Quy Nhơn - Bình Định
Điện thoại: 0256. 3816816 - 0256. 3820141

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRẺ EM

Năm 2022

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ THÀNH TRUNG - Giám đốc TT TGPL NN tỉnh Bình Định

Trưởng Ban Biên tập:
LÊ THÀNH SƠN - P. Giám đốc TT TGPL NN tỉnh Bình Định

Biên tập, Trình bày & Sửa bản in:
LÂM THANH TÙNG - TP TH - HC, TT TGPL NN tỉnh Bình Định
LÊ MINH TIẾN - Trợ giúp viên TT TGPL NN tỉnh Bình Định
NGUYỄN THỊ MAI HỒNG - Chuyên viên TT TGPL NN tỉnh Bình Định

In 2.000 bản, khổ 10.5x20.5cm, 24 trang tại Công ty TNHH Mỹ Thuật - Quảng cáo In và Thương mại Thái Bình. Địa chỉ 534A Nguyễn Thái Học - Tp. Quy Nhơn - Bình Định. Theo Giấy phép xuất bản số ..... do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định cấp ngày ..... In xong và nộp lưu chiểu tháng .....

Câu hỏi 1: Theo quy định của pháp luật trẻ em là người dưới 16 tuổi hay dưới 18 tuổi và trẻ em có những quyền gì?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

- Căn cứ Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 trẻ em là người dưới 16 tuổi;

- Căn cứ mục 1 chương II Luật trẻ em năm 2016 trẻ em có 25 quyền sau:

(1) Quyền sống; (2) Quyền được khai sinh và có quốc tịch; (3) Quyền được chăm sóc sức khỏe; (4) Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; (5) Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; (6) Quyền vui chơi, giải trí; (7) Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc; (8) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; (9) Quyền về tài sản; (10) Quyền bí mật đời sống riêng tư; (11) Quyền được sống chung với cha, mẹ; (12) Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ; (13) Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; (14) Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục; (15) Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; (16) Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc; (17) Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; (18) Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy; (19) Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; (20) Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô

nhiễm môi trường, xung đột vũ trang; (21) Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; (22) Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội; (23) Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp; (24) Quyền của trẻ em khuyết tật; (25) Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn.

Câu hỏi 2: Hiện nay tình trạng trẻ em ham chơi đua đòi lêu lỏng không nghe lời cha mẹ, không biết thương yêu hiếu thuận với gia đình. Vậy pháp luật quy định trẻ em có bổn phận gì đối với gia đình hay không ?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Căn cứ Điều 37 Luật trẻ em năm 2016 quy định về bổn phận của trẻ em đối với gia đình quy định như sau:

- Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ;

- Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

Câu hỏi 3: Con tôi có hành vi vi phạm pháp luật nên bị tòa án nhân dân huyện H tuyên phạt tù 2 năm. Hiện nay con tôi đã chấp hành gần xong hình phạt

và chuẩn bị về với gia đình. Tuy nhiên, tôi sợ khi về với gia đình con tôi sẽ bị những người khác kỳ thị vì vậy trong trường hợp này tôi cần làm gì để con tôi khi về với gia đình không mặc cảm và không bị những người khác kỳ thị để cháu ổn định cuộc sống?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Căn cứ khoản 2, 3,4 Điều 73 Luật trẻ em năm 2016 quy định về phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật như sau:

Chậm nhất là 02 tháng trước khi trẻ em chấp hành xong hình phạt tù, 01 tháng trước khi trẻ em chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ hoặc trường giáo dưỡng nơi trẻ em đang chấp hành hình phạt tù hoặc biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin có liên quan cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em về cư trú để chuẩn bị việc tiếp nhận và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch can thiệp, hỗ trợ và áp dụng biện pháp bảo vệ đối với trẻ em vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật này.

Cơ quan lao động - thương binh và xã

hội, tư pháp, công an, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để hướng dẫn, giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp khác đối với trẻ em.

Câu hỏi 4: Trong trường hợp nào thì trẻ em cần người chăm sóc thay thế?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Căn cứ Điều 62 Luật trẻ em năm 2016 quy định các trường hợp trẻ em cần người chăm sóc thay thế như sau:

- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa.

- Trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em.

- Trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ.

- Trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ.

Câu hỏi 5: Anh Nguyễn Văn A hỏi con tôi hiện đang học cấp hai, cháu thường xuyên truy cập mạng máy tính để

tìm thêm tài liệu phục vụ học tập. Vậy cho biết pháp luật hiện nay quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng như thế nào?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo Điều 54 - Luật Trẻ em 2016 sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định:

- Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 6: Xin hỏi cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, các thành viên trong gia đình, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm như thế nào để bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo Điều 100 - Luật Trẻ em 2016 sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định:

1. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Trau dồi kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại;

b) Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của trẻ em;

c) Bảo đảm để trẻ em thực hiện được quyền bí mật đời sống riêng tư của mình, trừ trường hợp cần thiết để bảo vệ trẻ em và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

2. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác, thông báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc đang bị xâm hại trong và ngoài gia đình.

3. Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho trẻ em trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 7: Anh Trần Văn L là công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân thị trấn X và được giao phụ trách công tác bảo vệ trẻ em. Tại trường cấp hai trên địa bàn thị trấn X xảy ra trường hợp một nhóm học sinh gồm các em 14, 15 tuổi tổ chức đánh nhau. Nhóm học sinh này đã bị công an thị trấn X đưa về trụ sở để xử lý. Vậy anh L có trách nhiệm gì trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo Điều 72 Luật Trẻ em 2016 sửa đổi, bổ sung năm 2018, anh L có trách nhiệm sau đây:

1. Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, xã hội, y tế, giáo dục và các nguồn trợ giúp khác.

2. Tìm hiểu, cung cấp thông tin về hoàn cảnh cá nhân và gia đình của trẻ em cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính để áp dụng các biện pháp xử lý, giáo dục và ra quyết định khác phù hợp.

3. Tham gia vào quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính có liên quan đến trẻ em

theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; tham gia cuộc họp của Hội đồng tư vấn áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quá trình xem xét tại Tòa án để áp dụng biện pháp đưa trẻ em vào trường giáo dưỡng.

4. Theo dõi, hỗ trợ việc thi hành các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính, tái hòa nhập cộng đồng đối với trẻ em vi phạm pháp luật; kiến nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp đối với trẻ em vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Luật trẻ em bao gồm:

+ Các biện pháp bảo vệ cấp độ hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn trợ giúp khác nhằm cải thiện điều kiện sống cho trẻ em.

+ Các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp bao gồm: Chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý, phục hồi thể chất và tinh thần cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần can thiệp; tư vấn, cung cấp kiến thức pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

+ Tìm kiếm đoàn tụ gia đình nếu thuộc

trường hợp không có nơi cư trú ổn định;

+ Áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016 trong trường hợp trẻ em không còn hoặc không xác định được cha mẹ; không thể sống cùng cha, mẹ; không xác định được nơi cư trú trong thời gian thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền;

+ Hỗ trợ gia đình giám sát, quản lý, giáo dục trẻ em;

+ Các biện pháp bảo vệ khác như: biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ phòng ngừa; biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ và biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ can thiệp khi xét thấy thích hợp.

5. Tham gia xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em và theo dõi việc thực hiện; kết nối dịch vụ và hỗ trợ việc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

Câu hỏi 8: Trách nhiệm của UBND các cấp trong vấn đề đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường ra sao?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 80/2017/NĐ-CP Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện,

phòng chống bạo lực học đường, thì UBND cấp xã có trách nhiệm như sau:

- Chỉ đạo triển khai việc bảo đảm quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo phân cấp quản lý.

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành của địa phương bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trong cơ sở giáo dục, lớp độc lập; điều tra và xử lý vụ việc bạo lực học đường, gây mất an toàn cho cơ sở giáo dục, lớp độc lập theo phân cấp quản lý.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục, lớp độc lập trong việc thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo phân cấp quản lý."

Câu hỏi 9: Các hành vi bị nghiêm cấm đối với trẻ em theo pháp luật hiện hành được quy định như thế nào?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo Điều 6 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ban hành ngày 05/4/2016 quy định như sau:

"Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tước đoạt quyền sống của trẻ em.

2. Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

3. Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em.

4. Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn.

5. Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác.

6. Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình.

7. Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

8. Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em.

9. Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em.

10. Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh

hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

11. Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em.

12. Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi.

13. Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

14. Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật.

15. Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ

hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm."

Câu hỏi 10: Theo quy định pháp luật hiện nay các biện pháp bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, trẻ em là người làm chứng được quy định như thế nào?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Điều 71, Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 quy định như sau:

1. Trẻ em vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính; biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi được miễn trách nhiệm hình sự; hình phạt cải tạo không giam giữ; án treo theo quy định của Bộ luật hình sự; trẻ em đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hoặc tù có thời hạn được áp dụng các biện pháp bảo vệ sau đây nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật, phục hồi, tránh tái phạm:

a) Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 49 của Luật này;

b) Các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp quy định tại Điểm a và Điểm e Khoản 2 Điều 50 của Luật này;

c) Tìm kiếm đoàn tụ gia đình nếu thuộc trường hợp không có nơi cư trú ổn định;

D) Áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế theo quy định của Luật này trong trường hợp trẻ em không còn hoặc không xác định được cha mẹ; không thể sống cùng cha, mẹ; không xác định được nơi cư trú trong thời gian thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Hỗ trợ gia đình giám sát, quản lý, giáo dục trẻ em;

e) Các biện pháp bảo vệ khác quy định tại các điều 48, 49 và 50 của Luật này khi xét thấy thích hợp.

2. Trẻ em là người bị hại và trẻ em là người làm chứng mà bị tổn hại về thể chất, tinh thần được áp dụng các biện pháp bảo vệ cấp độ hỗ trợ quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 49 và các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp quy định tại Điều 50 của Luật này.

3. Trẻ em là người làm chứng được bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư; hạn chế

tối đa việc dẫn giải, gây áp lực về tâm lý."

Câu hỏi 11: Em Đinh Văn A, 12 tuổi hiện đang học lớp 6, ba mẹ là người Bana nhưng đã mất. Cháu được một tổ chức từ thiện chăm sóc và tạo điều kiện đi học tại một trường học với đa số là học sinh người kinh. Tuy nhiên, cô giáo chủ nhiệm lớp A đã viện lý do A là người dân tộc BaNa nên việc giao tiếp và hướng dẫn để tiếp nhận kiến thức sẽ khó khăn nên có ý không muốn nhận A vào lớp mình và đề xuất chuyển A sang lớp khác. Vậy hành vi của cô giáo chủ nhiệm có vi phạm pháp luật không?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo Khoản 8, Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: "Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em" là một trong những hành vi bị nghiêm cấm.

Vì vậy, hành vi của cô chủ nhiệm với em A là hành vi kỳ thị với dân tộc của em A. Do vậy, theo quy định, hành vi của cô chủ nhiệm là hành vi vi phạm Luật Trẻ em năm 2016.

Câu hỏi 12: Do cháu X (8 tuổi) mồ côi cả cha lẫn mẹ nên chị H được Tòa án ra quyết định là người giám hộ của cháu. Vậy chị H có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm quyền dân sự của cháu X?

Trả lời: *(Có tính chất tham khảo)*

Theo quy định tại Điều 101 Luật Trẻ em năm 2016, khi làm người giám hộ cho cháu X, chị H có trách nhiệm sau:

- Có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trong trường hợp để trẻ em thực hiện giao dịch dân sự trái pháp luật.

- Phải giữ gìn, quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp trẻ em gây thiệt hại cho người khác thì cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em phải bồi thường thiệt hại do hành vi của trẻ em đó gây ra theo quy định của pháp luật./.

Khi có nhu cầu được trợ giúp pháp lý, hãy liên hệ với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước hoặc các Chi nhánh Trợ giúp pháp lý của Trung tâm, nơi người yêu cầu trợ giúp pháp lý cư trú để được hỗ trợ những vướng mắc pháp luật.

ĐỊA CHỈ TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CHI NHÁNH TGPL TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.

ĐC: số 715 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. ĐT: 0256.3816816.

2. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1. Phụ trách địa bàn 02 huyện Tuy Phước và Vân Canh.

ĐC: số 57 đường Lê Hồng Phong, TT. Diêu Trì, huyện Tuy Phước. ĐT: 0256.3734378

3. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2. Phụ trách địa bàn TX. An Nhơn và huyện Phù Cát.

ĐC: số 79 đường Lê Hồng Phong, P. Bình Định, TX. An Nhơn. ĐT: 0256.3635666

4. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Phụ trách địa bàn 02 huyện Phù Mỹ và Hoài Nhơn.

Địa chỉ: số 19 đường Thanh Niên, TT. Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ. ĐT: 0256.3655123

5. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4. Phụ trách địa bàn 02 huyện An Lão và Hoài Ân.

ĐC: Thôn 2, TT. An Lão, huyện An Lão. ĐT: 0256.3875456

6. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 5.

Phụ trách địa bàn 02 huyện Vĩnh Thạnh và Tây Sơn.

ĐC: Khu phố Định Tố, TT. Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh. ĐT: 0256.3786888

DANH SÁCH CÁC TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ

1. Lê Thành Trung, Trợ giúp viên pháp lý, Giám đốc Trung tâm. Số điện thoại: 0256.3586999; 0972155887.

2. Lê Thành Sơn, Trợ giúp viên pháp lý, Phó Giám đốc Trung tâm. Số điện thoại: 0256.3501221; 0935067641.

3. Nguyễn Ánh Quang, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Hình sự - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3816816; 0913434655.

4. Phan Văn Hùng, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Dân sự - Đất đai. Số điện thoại: 0256.3816816; 0935544555.

5. Nguyễn Hữu Vinh, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Lao động - Xã hội. Số điện thoại: 0256.3816816; 0914276141.

6. Nguyễn Ngọc Quốc Linh, Trợ giúp viên pháp lý. Phòng pháp luật Lao động - Xã hội. Số điện thoại: 0256.3816816; 0912379262.

7. Lâm Thanh Tùng, Trợ giúp viên pháp lý.

Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3820141; 0906562479.

8. Lê Minh Tiến, Trợ giúp viên pháp lý. Phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3820141; 0905455459.

9. Phan Thị Ngọc Huyền, Trợ giúp viên pháp lý. Phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3820141; 0974138849.

10. Lê Tôn Nữ Kim Yến, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1. Số điện thoại: 0256. 3734378; 0905693008.

11. Quách Hồng Cẩm, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2. Số điện thoại: 0256.3635666; 0988952390.

12. Hồ Văn Huy, Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Số điện thoại: 0256.3655123; 0978545347.

13. Phạm Minh Vương, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4. Số điện thoại: 0256.3875456; 0985258990.

14. Nguyễn Thị Xuân Diệu, Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Số điện thoại: 0256.3875456; 0962362117.

15. Nguyễn Thị Hồng Thắm, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 5. Số điện thoại: 0256.3786888; 01656579428.